

CÔNG KHAI TÀI CHÍNH

Ngày 08 tháng 05 năm 2026

STT	Diễn giải	Đơn vị tính	Tổng Cộng		
			Đơn giá	Số lượng	Thành tiền
1	2	3	4	5	6
Hôm trước chuyển sang					0
Suất ăn và tiêu chuẩn trong ngày			20,000	204	4,080,000
Được chi trong ngày					4,080,000
Đã chi trong ngày					4,080,000
1. Dịch vụ					306,000
1	chất đốt		1,500	204	306,000
2. Kho					735,590
Ăn chính					735,590
1	Gạo tẻ	Kg	15,500	15.9	246,450
2	Dầu lạc	Kg	120,000	0.4	48,000
3	Nước mắm cá loại I	Chai	74,000	0.3	22,200
4	Lạc hạt	Kg	80,000	4	320,000
5	Bột canh	Gói	4,000	2	8,000
6	Hạt nêm Aji-ngon	Kg	62,000	0.37	22,940
7	Dầu simply	Lít	68,000	1	68,000
3. Đi chợ					3,038,410
Ăn chính					3,038,410
1	Khoai lang	Kg	30,000	1.9	57,000
2	Khoai tây	Kg	15,000	1.5	22,500
3	Bí ngô (bí đỏ)	Kg	15,000	2	30,000
4	Cà chua	Kg	15,000	1	15,000
5	Bắp cải	Kg	15,000	9	135,000
6	Hành củ tươi	Kg	35,000	0.2	7,000
7	Chuối tiêu	Quả	1,300	204	265,200
8	Thịt gà ta	Kg	130,000	16.2	2,106,000
9	Gừng tươi	Kg	50,000	0.2	10,000
10	Hành Tăm	Kg	40,000	0.2	8,000
11	Lá chanh	Bó	1,000	0.71	710
12	Hành lá	Kg	35,000	1	35,000
13	Thịt lợn nạc	Kg	130,000	2.5	325,000
14	Miến gạo	Gói	22,000	1	22,000
Chi kho lũy kế từ đầu tháng					4,085,410
Chi chợ lũy kế từ đầu tháng					15,062,090
Suất ăn lũy kế từ đầu tháng				1,035	
Tiêu chuẩn lũy kế từ đầu tháng					20,700,000
Đã chi lũy kế từ đầu tháng					20,700,000
Chênh lệch cuối ngày					

Kế toán

Vũ Thị Na

Phó hiệu trưởng

Ngô Thị Phương Thảo

